

Phụ lục số 04

(Ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty: Công ty cổ phần bao bì Hoàng Thạch

Năm báo cáo: năm 2020

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ HOÀNG THẠCH
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0800208342 thay đổi lần thứ 8 ngày 08/11/2019
- Vốn điều lệ: 20.479.320.000, vnd
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 20.479.320.000, vnd
- Địa chỉ: phường Minh Tân, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
- Số điện thoại: 02203.820.020
- Số fax: 02203.821.869
- Website: <http://baobihoangthach.vn>
- Mã cổ phiếu (nếu có): BBH

Quá trình hình thành và phát triển

- Công ty Cổ phần bao bì Hoàng Thạch tiền thân là Phân xưởng May bao thuộc Công ty xi măng Hoàng Thạch - Tổng Công ty xi măng Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 25/1999/QĐ -TTg ngày 22/02/1999 của Thủ tướng Chính phủ.

- Công ty CP bao bì Hoàng Thạch chính thức đi vào hoạt động từ năm 1999 theo cơ chế độc lập với các đơn vị thành viên khác trong Tổng Công ty xi măng Việt Nam.

- Ngày 02/12/2019 Công ty đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận là công ty đại chúng.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

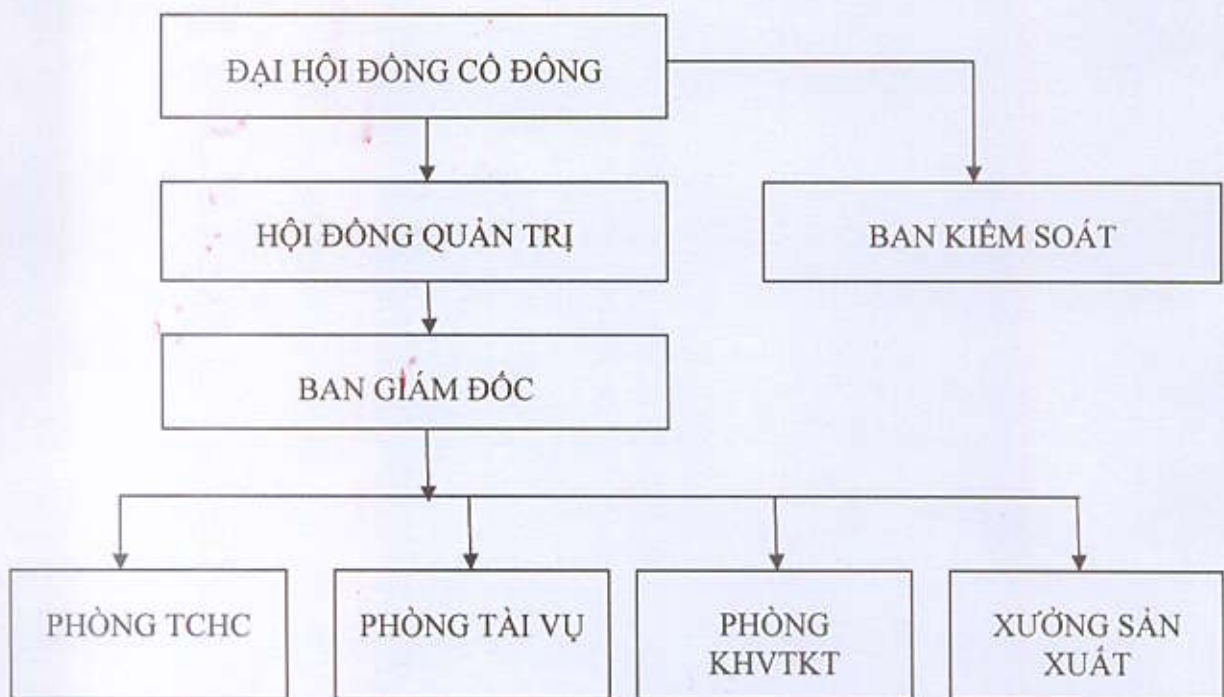
- Ngành nghề kinh doanh:

- +/ Sản xuất và kinh doanh các loại bao bì
- +/ Kinh doanh các loại vật tư sản xuất bao bì
- +/ Bốc xếp hàng hóa đường bộ; Bốc xếp hàng hóa loại khác...
- Địa bàn kinh doanh:
- +/ Tỉnh Hải Dương
- +/ Tỉnh Quảng Ninh

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Công ty cổ phần bao bì Hoàng Thạch tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty cổ phần.

- Cơ cấu bộ máy quản lý



- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Không ngừng tích lũy và nâng cao năng lực sản xuất, mở rộng thị phần, đảm bảo gia tăng giá trị doanh nghiệp, lợi ích hợp pháp của Cổ đông. Góp phần vào việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Duy trì và phát triển vỏ bao xi măng truyền thống phục vụ nhu cầu của các công ty sản xuất xi măng. Nghiên cứu, phát triển các sản phẩm vỏ bao mới phục vụ

nhu cầu của các Công ty sản xuất xi măng

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty: Tích cực bảo vệ môi trường và tham gia đóng góp từ thiện xã hội.

5. Các rủi ro:

- Các chính sách thay đổi của Nhà nước, sự bất ổn của kinh tế chính trị trong nước và thế giới, diễn biến khó lường của giá Dầu thế giới ảnh hưởng trực tiếp tới giá hạt nhựa- nguyên vật liệu chính cho sản xuất vỏ bao; Sự thay đổi về cơ cấu sản phẩm của các Công ty xi măng; Xu hướng tiêu dùng của xã hội là những nguyên nhân ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Ảnh hưởng của dịch Covid 19; Các quyết định về phong tỏa, cách li để phòng, chống dịch Covid của Nhà nước, tỉnh Quảng Ninh, tỉnh Hải Dương.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2020 Công ty gặp nhiều khó khăn như: Xu hướng sử dụng xi măng rời tăng nên nhu cầu vỏ bao trên thị trường giảm; Thị trường cung cấp vỏ bao cạnh tranh khốc liệt do cung vượt cao so với cầu; ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19...nên một số chỉ tiêu như: Sản lượng sản xuất, tiêu thụ, doanh thu đều không đạt so với kế hoạch sản xuất kinh doanh đề ra. Tuy nhiên do ban điều hành đã có nhiều biện pháp linh hoạt trong tổ chức sản xuất, kinh doanh, tinh gọn biên chế, tiết kiệm chi phí, tận dụng các cơ hội trong mua sắm vật tư và kinh doanh nên chỉ tiêu lợi nhuận đạt được kế hoạch đề ra.

S T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Thực hiện 2019	So sánh (%)	
						Kế hoạch 2020	Thực hiện 2019
1	Sản lượng sản xuất và tiêu thụ	Triệu cái	37,5	28,05	37,48	74,80	74,84
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	207	148,54	204,67	71,76	72,58
3	Lợi nhuận TT	Tỷ đồng	6,6	6,67	5,35	101,06	124,67

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

Ban giám đốc gồm có:

1. Bà Nguyễn Thị Minh – Giám đốc bổ nhiệm ngày 17/9/2020
2. Ông: Trần Anh Dũng – Phó Giám đốc bổ nhiệm ngày 17/9/2020

Giám đốc:

Họ Và tên: Nguyễn Thị Minh

Giới tính: Nữ

Ngày sinh: 25/11/1974

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Xã Tây Kỳ, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương

Địa chỉ thường trú: Phường Minh Tân, Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - chuyên ngành kế toán

Quá trình công tác

- 9/2020 - nay: Bí thư chi bộ, Giám đốc Công ty CPBB Hoàng Thạch, ủy viên HĐQT Công ty CPBB Hoàng Thạch
- 5/2019 – 9/2020: Bí thư chi bộ, Phó giám đốc kiêm Kế toán trưởng Công ty CPBB Hoàng Thạch, ủy viên HĐQT Công ty CPBB Hoàng Thạch
- 12/2018 - 4/2019: Bí thư chi bộ, Kế toán trưởng Công ty CPBB Hoàng Thạch, ủy viên HĐQT Công ty CPBB Hoàng Thạch
- 06/2015 - 11/2018: Phó Bí thư chi bộ, Kế toán trưởng Công ty CPBB Hoàng Thạch, ủy viên HĐQT Công ty CPBB Hoàng Thạch
- 05/2015: Phó Bí thư chi bộ, Kế toán trưởng Công ty CPBB Hoàng Thạch
- 07/2012 - 05/2015: Kế toán trưởng Công ty CPBB Hoàng Thạch
- 12/2007 - 06/2012: Trưởng phòng Tài vụ Công ty CPBB Hoàng Thạch
- 01/2007 - 11/2007: Phó phòng Tài vụ Công ty CPBB Hoàng Thạch
- 07/1999 - 12/2006: Nhân viên kế toán Công ty CPBB Hoàng Thạch
- 09/1995 - 06/1999: Nhân viên kế toán Công ty xi măng Hoàng Thạch
- Số cổ phần nắm giữ: 22.216, cổ phần

- Cổ phần sở hữu: 22.216, cổ phần
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Phó giám đốc:

Họ và tên: Trần Anh Dũng

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 01/01/1973

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Phường Phú Thứ, Thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy

Quá trình công tác:

- 09/2020 - nay: phó Giám đốc Công ty CPBB Hoàng Thạch, ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CPBB Hoàng Thạch
- 08/2018 - 9/2020: Giám đốc Công ty CPBB Hoàng Thạch, ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CPBB Hoàng Thạch
- 07/2018 - 08/2018: Phó giám đốc Công ty CPBB Hoàng Thạch, ủy viên Hội đồng quản trị Công ty CPBB Hoàng Thạch
- 08/2008 - 06/2018: Phó giám đốc Công ty CPBB Hoàng Thạch, ủy viên Ban kiểm soát Công ty CPBB Hoàng Thạch
- 01/2008 - 07/2008: Quản đốc phân xưởng sản xuất Công ty CPBB Hoàng Thạch
- 07/1999 - 12/2007: Phó phòng kế hoạch vật tư kỹ thuật Công ty CPBB Hoàng Thạch
- 08/1995 - 06/1999: Kỹ sư – Công ty xi măng Hoàng Thạch
 - Số cổ phần nắm giữ: 32.520, cổ phần
 - Cổ phần sở hữu: 32.520, cổ phần
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: không

- Những thay đổi trong ban điều hành:

+/ Tháng 09/2020 bà Nguyễn Thị Minh- phó Giám đốc được bổ nhiệm chức danh Giám đốc Công ty.

+/ Tháng 9/2020 miễn nhiệm chức danh Giám đốc và bổ nhiệm chức danh phó giám đốc đối với ông Trần Anh Dũng.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

- Số lượng lao động bình quân năm 2020: 164 người

- Chính sách đào tạo:

Căn cứ vào thực tế tình hình sản xuất kinh doanh, Công ty luôn chú trọng đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ, tay nghề, thêm nghề cho người lao động trong công ty.

- Chính sách tiền lương:

Công ty xây dựng chính sách tiền lương dựa trên tiêu chí về hiệu quả lao động, vị trí công việc có xét đến yếu tố thâm niên phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động, phù hợp với trình độ, năng lực, công việc và quá trình cống hiến của từng người đảm bảo cho người lao động hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước

- Chính sách phúc lợi và thực hiện các chế độ cho người lao động:

+/ Công ty trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định của pháp luật.

+/ Hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề cho người lao động, khám chuyên khoa cho nữ lao động.

+/ Thực hiện đầy đủ các chế độ nghỉ phép năm, thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, chế độ ăn ca, bồi dưỡng chống nóng cho người lao động....

+/ Tạo điều kiện cho người lao động đi nghỉ mát, nâng cao tinh thần, rèn luyện sức khỏe.

+/ Mua bảo hiểm kết hợp con người cho người lao động...

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Trong năm 2020 không có khoản đầu tư lớn

b) Các công ty con, công ty liên kết: không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

Chi tiêu	Năm 2019	Năm 2020	So sánh
Tổng giá trị tài sản	101.059	95.837	94,83%
Doanh thu thuần	204.666	147.737	72,18%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.598	6.925	150,60%
Lợi nhuận khác	751	(257)	(34,23)%
Lợi nhuận trước thuế	5.349	6.668	124,64%
Lợi nhuận sau thuế	4.259	5.671	133,18%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	12 %		

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	4,345	5,916	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
+ Hệ số thanh toán nhanh	2,950	4,134	
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
<u>Nợ ngắn hạn</u>			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,225	0,164	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,290	0,196	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho b/q	5,217	4,405	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,025	1,542	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,021	0,038	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,054	0,071	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,042	0,059	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,022	0,047	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 2.047.932, cổ phần
- Số cổ phần chuyển nhượng tự do: 2.047.932, cổ phần
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0, cổ phần

b) Cơ cấu cổ đông :

- +/ Cổ đông là các cá nhân trong nước: 226 người chiếm 72,24% vốn điều lệ; cổ đông cá nhân là cổ đông lớn: không có.
- +/ Cổ đông là các tổ chức trong nước: 01 tổ chức chiếm 27,76% vốn điều lệ (Cổ đông tổ chức là Tổng công ty xi măng Việt Nam)
- +/ Cổ đông là các cá nhân nước ngoài: không có
- +/ Cổ đông là các tổ chức nước ngoài: không có

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

e) Các chứng khoán khác: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- a) Tổng lượng nguyên vật liệu chính được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm 2020 là: 99,47 tỷ đồng
- b) Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: <1%

6.2. Tiêu thụ năng lượng

- a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp năm 2020 là 4,3 tỷ
- b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có
- c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: không có

6.3. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không
- b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không

6.4. Chính sách liên quan đến người lao động

- a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động
Số lao động bình quân năm 2020: 164 người; tiền lương bình quân: 12 triệu đồng/người/tháng.
- b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

-Về sức khỏe: Công ty tổ chức khám bệnh định kỳ, khám bệnh nghề cho toàn thể người lao động và khám thêm chuyên khoa với lao động nữ; đảm bảo bữa ăn giữa ca; thực hiện bồi dưỡng chống nóng ...

-Về an toàn: Công ty tổ chức học an toàn lao động cho người lao động theo định kỳ, có quy trình vận hành máy an toàn; kiểm định thiết bị định kỳ, cấp phát bảo hộ cho toàn thể người lao động...

-Về phúc lợi: Công ty tổ chức tặng quà nhân các dịp lễ tết đối với tập thể người lao động, tặng quà lao động nữ nhân ngày kỷ niệm giới; tặng quà các cháu thiếu nhi là con người lao động nhân ngày Tết thiếu nhi, trung thu, mua bảo hiểm kết hợp con người cho toàn thể người lao động...

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Công ty tổ chức đào tạo nâng cao tay nghề và đào tạo thêm nghề cho lao động trong Công ty.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

- Lao động trong Công ty đã tham gia hoạt động hiến máu nhân đạo. Công ty và người lao động tham gia quyên góp ủng hộ xây dựng các quỹ từ thiện, nhân đạo như tặng quà người khuyết tật, người mù, hội nạn nhân chất độc da cam.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2020 thị trường có nhiều biến động phức tạp: Tình trạng cung vượt quá cầu ngày càng gia tăng, cơ cấu sản phẩm của các Công ty xi măng thay đổi, xu hướng sử dụng xi măng rời tăng, giảm xi măng bao truyền thống làm cho nhu cầu vỏ bao giảm đây là những nguyên nhân chính ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của năm 2020.

Trước những khó khăn đó Ban giám đốc đã đưa ra các biện pháp để khắc phục khó khăn của công ty như: Quản lý định mức tiêu hao vật tư, tiết kiệm chi phí, giảm thiểu phế phẩm; ổn định chất lượng sản phẩm, tìm kiếm mở rộng thị trường; Đào tạo thêm nghề cho người lao động để thuận lợi trong việc điều phối lao động giữa các bộ phận góp phần tinh giảm biên chế lao động, tích cực thu hồi công nợ. Kết quả là đến 31/12/2020 số dư nợ của khách hàng đã giảm nhiều so với thời điểm 01/01/2020. Biên chế lao động tại các bộ phận trong Công ty tinh gọn. Việc bố trí, luân chuyển lao động giữa các công đoạn đã được phối hợp nhịp nhàng.

Mặc dù Sản lượng sản xuất; sản lượng tiêu thụ; doanh thu năm 2020

không đạt kế hoạch đề ra nhưng lợi nhuận năm 2020 đã đạt được kế hoạch Đại hội cổ đông đề ra, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

ST T	Chỉ tiêu	KH 2020	Thực hiện 2020	Thực hiện 2019	So sánh với	
					KH 2020 (%)	TH 2019 (%)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	207.000	147.737,68	204.665,67	71,37	72,18
2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	207.000	147.737,68	204.665,67	71,37	72,18
3	Giá vốn hàng bán		131.476,52	188.117,00		69,89
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp		16.260,92	16.548,67		98,26
5	Doanh thu hoạt động tài chính		706,43	6,59		10,723
6	Chi phí tài chính		1,09	1.239,41		0,09
7	Chi phí bán hàng		897,73	978,83		91,72
8	Chi phí quản lý doanh nghiệp		9.143,73	9.738,92		93,89
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.924,79	4.598,09		150,6
10	Thu nhập khác		93,35	751,45		12,42
11	Chi phí khác		350,5	0,10		355,435
12	Lợi nhuận khác		(257,15)	751,35		(34,23)
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.600	6.667,63	5.349,44	101,06	124,64
14	Chi phí thuế TNDN hiện hành		995,98	1.090,71		91,31
15	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		5.671,65	4.258,74		133,18
16	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		2.769	2.080		133,18

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	01/01/2020
I. Tài sản ngắn hạn	93.050	98.656
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	7.935	15.942
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	18.000	
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	39.088	51.046
4. Hàng tồn kho	28.027	31.668
5. Tài sản ngắn hạn khác		
II. Tài sản dài hạn	2.787	2.403
1. TSCĐ hữu hình	2.787	2.403
- Nguyên giá	62.686	61.656
- Giá trị hao mòn lũy kế	(59.899)	(59.253)
Tổng cộng tài sản	95.837	101.059

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020	01/01/2020
I. Nợ ngắn hạn	15.728	22.704
1. Phải trả người bán ngắn hạn	8.061	15.517
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	50	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	504	819
4. Phải trả người lao động	6.163	4.683
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	335	372
6. Phải trả ngắn hạn khác	113	81
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	0	0
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	502	1.232
II. Nợ dài hạn		
1. Vay và nợ dài hạn	0	0

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Năm 2020, sản lượng vỏ bao sản xuất thấp, người lao động ít việc làm. Công ty đã đào tạo thêm nghề cho người lao động, kiện toàn, sắp xếp lại nhân lực cho phù hợp với trình độ năng lực của từng người và đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của Công ty. Kết quả là góp phần ổn định việc làm, thu nhập cho người lao động nhưng vẫn đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Không ngừng tích lũy và nâng cao năng lực sản xuất, mở rộng thị phần, đảm bảo gia tăng giá trị doanh nghiệp, lợi ích hợp pháp của Cổ đông. Góp phần vào việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

- Duy trì và phát triển vỏ bao xi măng truyền thống phục vụ nhu cầu của các công ty xi măng. Nghiên cứu, phát triển các sản phẩm vỏ bao mới phục vụ nhu cầu của các công ty sản xuất xi măng.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

Công ty luôn thực hiện đúng các quy định của pháp luật liên quan đến công tác bảo vệ môi trường.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của nhà nước: được đóng BHXH, BHYT; BHTN; được cấp phát bảo hộ lao động; được bồi dưỡng chống nóng, khám sức khỏe định kỳ....

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty thực hiện đúng các quy định của pháp luật và thực hiện đầy đủ, có trách nhiệm trong việc tham gia các hoạt động do địa phương phát động và tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, nhân đạo.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

- Thực hiện đúng các quy định của pháp luật, bảo toàn và phát triển được nguồn vốn của các cổ đông.

- Ổn định đời sống, thu nhập cho người lao động.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

- Trích lập các quỹ phúc lợi, khen thưởng, đầu tư phát triển... và tổ chức thực hiện, sử dụng các quỹ theo đúng mục đích, đúng quy định.
- Tích cực tham gia công tác từ thiện, nhân đạo theo các phong trào của Tổng Công ty cũng như ở địa phương.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Trong năm 2020 Ban giám đốc đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty, thường xuyên bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị để có biện pháp điều hành. Chủ động tích cực, xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh trong quản lý điều hành, thường xuyên đề ra các biện pháp để tổ chức thực hiện tốt nhất nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm 2020.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Năm 2021 giá hạt nhựa – nguyên vật liệu chính để sản xuất vỏ bao tăng cao, tình trạng cung vượt cầu tiếp tục gia tăng trong ngành sản xuất vỏ bao, xu hướng sử dụng xi măng rời tăng, ảnh hưởng của bệnh viêm đường hô hấp cấp Ncov-19 sẽ ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vì vậy Hội đồng quản trị định hướng: Đẩy mạnh tìm kiếm thêm thị trường; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn; nâng cao năng suất lao động; tiết giảm các chi phí; nâng cao chất lượng sản phẩm; tăng sức cạnh tranh trên thị trường; ổn định đời sống người lao động; đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần biểu quyết	% sở hữu	Ghi chú
1 Nguyễn Văn Tọa	Chủ tịch HĐQT	34.561	1,69	Chuyên trách
2. Lê Thành Long	Ủy viên	13.452	0,66	Không điều hành
3. Lê Hữu Hà	Ủy viên	7.731	0,38	Không điều hành
4. Nguyễn Thị Minh	Ủy viên	22.216	1,08	Giám đốc
5. Trần Anh Dũng	Ủy viên	32.520	1,59	Phó Giám đốc

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: : Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

-Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty. Trong năm Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp thường kỳ và

đột xuất để phân tích đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của công ty. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và đề ra phương hướng, biện pháp để đạt được các mục tiêu Đại hội cổ đông đặt ra. Chỉ đạo, giám sát, tạo điều kiện thuận lợi để ban giám đốc tổ chức sản xuất, kinh doanh theo đúng pháp luật, bảo toàn và sinh lời vốn, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, quyền lợi của cổ đông, đảm bảo ổn định, việc làm và thu nhập của người lao động.

-Hội đồng quản trị luôn phát huy vai trò, trách nhiệm của mình trong công tác quản lý, điều hành công ty, thực hiện đúng điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật của Nhà nước.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

Ông Lê Thành Long- Ủy viên HĐQT

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần biểu quyết	% sở hữu
1. Bùi Thị Dung	Trưởng ban kiểm soát	1.280	0,06
2. Đỗ Lưu Vinh	Ủy viên	0	0
3. Trần Thị Phương Dung	Ủy viên	2.560	0,13

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Thực hiện quyền và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty trong năm 2020 Ban kiểm soát đã theo dõi, xem xét toàn diện hoạt động của Công ty, làm việc trực tiếp với hội đồng quản trị, ban giám đốc để nắm rõ và đánh giá toàn diện tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2020.

- Thành viên ban kiểm soát tham gia tất cả các buổi họp của Hội đồng quản trị.

Ban kiểm soát kiểm tra việc thực hiện các quy chế, quy định trong việc thực hiện các quy chế về phân phối tiền lương, quy chế quản lý tài chính, công tác hạch toán kế toán, rà soát xây dựng kế hoạch thực hiện năm 2020.

- Định kỳ ban kiểm soát họp đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, ban điều hành và các vấn đề thuộc phạm vi, quyền hạn quy định trong điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Đơn vị tính: đồng

Họ Và Tên	Chức danh	Lương, thưởng	Thù lao	Tổng thu nhập
1 Nguyễn Văn Tọa	Chủ tịch HĐQT	754.037.778		754.037.778
2. Lê Thành Long	Ủy viên	23.790.000	48.000.000	71.790.000
3. Lê Hữu Hà	Ủy viên	23.790.000	48.000.000	71.790.000
4. Trần Anh Dũng	Ủy viên - phó Giám đốc	635.065.454	48.000.000	683.065.454
5. Nguyễn Thị Minh	Ủy viên – Giám đốc	555.218.525	48.000.000	603.218.525
6. Bùi Thị Dung	Trưởng ban kiểm soát	240.024.890		240.024.890
7. Đỗ Lưu Vinh	Ủy viên - BKS	9.520.000	36.000.000	45.520.000
8. Trần Thị Phương Dung	Ủy viên- BKS	188.157.455	36.000.000	224.157.455

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty : Thực hiện tốt các quy định về quản trị Công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: Chấp nhận toàn phần

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán đã được đăng trên trang web của UBCKNN và trang web của Công ty ngày 31/03/2021.

Hải Dương, ngày 05 tháng 04 năm 2021

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

